

TỜ TRÌNH

V/v: Chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI);

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần EVN Quốc tế kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua nội dung chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào) với các nội dung như sau:

A. Cơ sở pháp lý:

A.1: Luật đầu tư: Số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020:

- Điều 48: Chấm dứt hoạt động đầu tư:

Tại Khoản 1, điểm a: “*Nhà đầu tư chấm dứt hoạt động đầu tư, dự án đầu tư trong các trường hợp sau đây: a) Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư*”.

- Điều 59: Quyết định đầu tư ra nước ngoài

1. Việc quyết định đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Nhà đầu tư, cơ quan quyết định việc đầu tư ra nước ngoài quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với việc đầu tư ra nước ngoài.

A.2: Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Đầu tư: Số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021:

- Điều 57. Điều kiện, thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư: tại các khoản:

1. Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động trong các trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 48 của Luật Đầu tư.

2. Việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư thực hiện theo thủ tục sau:

a) Trường hợp tự quyết định **chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

quyết định, kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

8. Sau khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động, việc thanh lý dự án đầu tư thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản”.

A.3: Luật xây dựng: Số 50/2014/QH13:

Điều 72: Khoản 1, Điểm c: Người quyết định đầu tư xây dựng có quyền: “Đình chỉ thực hiện dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt hoặc đang triển khai thực hiện khi thấy cần thiết phù hợp với quy định của pháp luật”.

A.4: Nghị định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021:

Điều 35: Quyết toán vốn đầu tư xây dựng: tại các khoản:

“1. Dự án đầu tư xây dựng phải thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng hoặc dừng thực hiện vĩnh viễn khi cấp có thẩm quyền có văn bản dừng **hoặc cho phép chấm dứt thực hiện dự án**.

10. Thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:

b) Đối với các dự án còn lại, người quyết định đầu tư là người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoặc ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành”.

A.5: Thông tư Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính:

Điều 46: “Trường hợp dự án đầu tư bị hủy bỏ hoặc thu hồi, kế toán thanh lý dự án và thu hồi chi phí đầu tư, trường hợp không thu hồi được các chi phí đầu tư đã thực hiện thì ghi nhận khoản mục chi phí khác”.

Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế. Trong đó, thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty với mục tiêu tập trung nguồn lực để khởi công dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Đối với các dự án: Hạ Sê San 1/ Sê San 5; Sê Kông (Campuchia); Nậm Mô 1 (Lào) “Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất mới triển khai bước tiếp theo”. Do đó, từ năm 2011 cho đến nay các dự án chỉ dừng lại các bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tìm kiếm các đối tác để hợp tác và chuyển giao.

B. Tình hình thực hiện:

I. Đối với dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia):

- Dự án có công suất 190MW; Chi phí đã thực hiện: 8,75 tỷ đồng/6.666 tỷ đồng.
- Dự án đã hoàn thành lập BCNCKT từ 2012, chưa phê duyệt DAĐT.
- Dự án chưa được Chính phủ Campuchia cấp phép đầu tư và Chính phủ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- MOU của dự án hết hiệu lực vào tháng 06/2013 và phía Campuchia dừng gia hạn theo văn bản số 2335.MIME ngày 19/09/2013 về việc dừng gia hạn MOU của dự án do dự án ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và xã hội (làm ngập 236 km2 và 511 hộ dân phải di dời tái định cư).
- Đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí thực hiện đầu tư tháng 12/2020.

- Chi tiết tình hình thực hiện dự án như Phụ lục I đính kèm.

II. Đối với dự án thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

- Dự án có công suất 55MW; Chi phí đã thực hiện: 7,19 tỷ đồng/2.463 tỷ đồng.
- Dự án đã hoàn thành lập BCNCKT từ 2012 và được Bộ Năng lượng và Mỏ - Lào thông qua sơ bộ vào tháng 07/2013 theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013.
- Dự án chưa được Chính phủ Lào ký Hợp đồng phát triển dự án và Chính phủ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
- Đã phát hành báo cáo kiểm toán độc lập về chi phí thực hiện đầu tư tháng 12/2020.
- Chi tiết tình hình thực hiện dự án như Phụ lục I đính kèm.

C. Đánh giá:

I. Đối với dự án Thủy điện Sê Kông (Campuchia):

1. Đánh giá:

- Dự án thủy điện Sê Kông triển khai ký MoU để thực hiện nghiên cứu và đầu tư dự án phù hợp mục tiêu thành lập và định hướng phát triển của EVNI mở rộng phạm vi đầu tư các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào. Đồng thời phù hợp với kế hoạch hợp tác Năng lượng của Chính phủ hai nước.
- Dự án được triển khai thực hiện theo MoU đã ký và đã được MIME gia hạn đến 30/6/2013. MOU của dự án đã hết hiệu lực theo văn bản số 2335.MIME ngày 19/09/2013 của Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU của dự án do dự án ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và xã hội (lâm ngập 236 km2 và 511 hộ dân phải di dời tái định cư).
- Các bước triển khai được HĐQT và ĐHĐCĐ EVNI thông qua trước khi thực hiện (các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT liên quan đính kèm).
- Dự án thủy điện Sê Kông nằm trong quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII (vận hành giai đoạn 2021-2030).
- Hoàn thành BCNCKT (FS) trình Chính phủ Campuchia thông qua trong thời hạn MOU còn hiệu lực.

2. Các khó khăn vướng mắc:

- Việc EVNI không trực tiếp đầu tư vào dự án Thủy điện Hạ Sê San 2, dự án trọng điểm của Campuchia tại thời điểm (tham gia góp 10% vốn vào dự án theo chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ tại văn bản 1512/VPCP-QHQT ngày 24/9/2012) phần nào ảnh hưởng đến việc Chính phủ Campuchia gia hạn MoU của dự án;
- Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ). Do đó EVNI không thể tiếp tục triển khai dự án khi phía Campuchia từ chối Nhà đầu tư bán điện trực tiếp về Việt Nam (dự án Thủy điện Hạ Sê San 2 bán 100% điện lượng cho EDC)
- Theo quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/03/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn năm 2011-2020 có xét đến năm 2030 (Quy hoạch điện VII điều chỉnh), dự án thủy điện Sê Kông đã

bị loại ra khỏi quy hoạch được duyệt.

- Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia về việc dừng gia hạn MOU của dự án do dự án ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và xã hội (làm ngập 236 km² và 511 hộ dân phải di dời tái định cư). Do đó, việc triển khai các bước tiếp theo của dự án không thể thực hiện được.

II. Đối với dự án Thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

1. Đánh giá:

- Dự án thủy điện Nậm Mô 1 triển khai ký MOU để thực hiện nghiên cứu và đầu tư dự án phù hợp mục tiêu thành lập và định hướng phát triển của EVNI mở rộng phạm vi đầu tư các dự án thủy điện tại Campuchia và Lào.

- Dự án được triển khai thực hiện theo MOU đã ký và đã được MEM gia hạn đến tháng 05/2013. MOU của dự án đã hết hiệu lực theo văn bản số 3009/MPI.IPD ngày 15/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào về việc không tiếp tục gia hạn MOU của dự án thủy điện Nậm Mô 1.

- Các bước triển khai được HĐQT và ĐHĐCĐ EVNI thông qua trước khi thực hiện (các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT liên quan đính kèm).

- Dự án thủy điện Nậm Mô 1 nằm trong quy hoạch Tổng sơ đồ điện VII (vận hành năm 2020) và quy hoạch Tổng sơ đồ điện VIII điều chỉnh (vận hành năm 2026).

- Hoàn thành BCNCKT (FS) và được Bộ Năng lượng và Mỏ - Lào thông qua vào tháng 07/2013.

2. Các khó khăn vướng mắc:

- Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ). Điều này đã hạn chế việc tiếp tục thực hiện của các dự án của EVNI tại thời điểm năm 2011 và 2012.

- Thời hạn MOU của dự án là 12 tháng và được gia hạn không quá 2 lần để hoàn thành hồ sơ đầu tư dự án. Mặc dù EVNI đã hoàn thành FS trình Cơ quan đại diện Chính phủ Lào trong thời hạn MOU của dự án, tuy nhiên việc kéo dài thời gian báo cáo và phê duyệt dẫn đến EVNI không được Chính phủ Lào ký hợp đồng phát triển dự án.

- MOU của dự án đã hết hiệu lực theo văn bản số 3009/MPI.IPD ngày 15/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào về việc không tiếp tục gia hạn MOU của dự án thủy điện Nậm Mô 1. Do đó, việc triển khai các bước tiếp theo của dự án không thể thực hiện được.

D. Giải pháp thực hiện:

I. Các giải pháp đã thực hiện đối với các dự án Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào):

Trong thời gian qua, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, Công ty đã nỗ lực thực hiện các giải pháp để chuyển giao các dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư tương tự dự án Hạ Sê San 2 nhằm thu hồi chi phí đã thực hiện của các dự án, cụ thể:

- Có ý kiến bằng văn bản đến Chính phủ Campuchia/Lào về việc trong trường hợp Chính phủ Campuchia/Lào chuyển giao dự án cho đối tác khác thì EVNI được thu hồi các chi phí đã thực hiện cho dự án hoặc tham gia góp vốn trong dự án tương tự như dự án thủy điện Hạ Sê San 2;

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Campuchia (AVIC), Hiệp hội các Nhà đầu tư Việt Nam sang Lào (AVIL) để thông qua Hiệp hội, giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư trong và ngoài nước;

- Làm việc, kiến nghị với Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam trong việc hỗ trợ các thủ tục duy trì hiệu lực pháp lý của các dự án, cũng như thông tin đến các Nhà đầu tư về các dự án của EVNI;

- Thường xuyên liên hệ với Nhà đầu tư trong và ngoài nước để giới thiệu các dự án của EVNI cho các Nhà đầu tư để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư.

Tuy nhiên, cho đến nay việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2 vẫn chưa có kết quả do: (i) Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất”; (ii) Các dự án đã hết hiệu lực MoU; (iii) Đặc điểm vị trí địa lý của dự án khó thu hút nhà đầu tư trong nước; (iv) Tình hình chính trị, sự tác động của dự án đến môi trường; (v) Đầu ra giá bán điện của dự án chưa hấp dẫn nhà đầu tư...

Do đó, việc tiếp tục thực hiện các dự án trên trong thời gian đến sẽ gặp nhiều khó khăn và không khả thi.

II. Kiến nghị giải pháp thực hiện:

Từ những phân tích, đánh giá và căn cứ pháp lý nêu tại mục A ở trên, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phương án xử lý cụ thể như sau:

1. Phương án xử lý:

Chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia) và Nậm Mô 1 (Lào); thực hiện quyết toán và xử lý tài chính các dự án.

2. Đánh giá ưu nhược điểm phương án đề xuất:

* Ưu điểm:

- Phù hợp với tình hình thực tế về: (i) Chủ trương của Chính phủ “Chỉ thực hiện phát triển các dự án điện tại nước ngoài trong trường hợp đưa điện về Việt Nam ít nhất 50% sản lượng điện sản xuất” (thông báo số 301/TB-VPCP ngày 15/12/2011 của Văn phòng Chính phủ); (ii) MoU đã hết hiệu lực và việc các cơ quan đại diện Chính phủ Campuchia/Lào không trả lời các ý kiến, kiến nghị của EVNI trong nhiều năm qua; (iii) Kết quả công tác tìm kiếm đối tác chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn đầu tư từ năm 2013 cho đến nay chưa có kết quả;

- Phù hợp với khuyến nghị của đơn vị kiểm toán đã nêu qua các kỳ soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính từ năm 2013 đến nay;

- Khắc phục được ý kiến kiểm toán ngoại trừ/nhấn mạnh của BCTC theo ý kiến của các cổ đông EVNI;

- Phù hợp với quy định kế toán về nguyên tắc thận trọng, chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí giúp cho doanh nghiệp chủ động bảo toàn nguồn vốn, hạn chế rủi ro và khả năng hoạt động liên tục;

- Chủ động trong việc lựa chọn thời điểm xử lý tài chính các dự án, góp phần giúp Công ty ổn định sản xuất và cân bằng tài chính;

- Việc xử lý được chi phí thực hiện các dự án đã hết hiệu lực MOU, không khả thi trong việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư và ý kiến ngoại trừ/nhân mạnh trên BCTC đã tồn tại nhiều năm sẽ giảm thiểu tác động của các thông tin bất lợi, gây sự chú ý và làm ảnh hưởng đến lòng tin của các tổ chức, cổ đông quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- EVNI vẫn thực hiện các quyền của dự án để tiếp tục thực hiện việc chuyển giao hoặc hợp tác đầu tư khi điều kiện thuận lợi thu hồi lại giá trị đã thực hiện theo NQ ĐHĐCĐ hàng năm.

* Nhược điểm:

- Giảm lợi nhuận của Công ty trong các năm xử lý các chi phí nêu trên;
- Do các khoản chi phí này đều không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNI trong kỳ, nên không được ghi nhận vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Phát sinh lợi nhuận chịu thuế TNDN khi chuyển nhượng thành công các dự án sau thời điểm dừng dự án.

E. Kiến nghị:

Trên cơ sở kết quả báo cáo và đánh giá nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án xử lý đối với các dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1 với các nội dung như sau:

1. Thông qua chủ trương chấm dứt hoạt động (dừng thực hiện vĩnh viễn) của dự án đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án thủy điện Sê Kông và Nậm Mô 1.

2. Giao HĐQT thực hiện các bước tiếp theo, cụ thể:

- Tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt giá trị quyết toán kiểm toán vốn đầu tư/chi phí thực hiện đối với các khoản chi phí xây dựng dở dang các dự án nêu trên và xử lý theo quy định, đồng thời đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức không thấp hơn kế hoạch giao tại ĐHĐCĐ hằng năm.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao thu hồi chi phí đã thực hiện.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, TH, Thư ký Công ty.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo kiểm toán dự án thủy điện Sê Kông và dự án thủy điện Nậm Mô 1;
- Danh mục hồ sơ, tài liệu liên quan quá trình đầu tư các dự án và bản mềm đính kèm.

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Trương Quang Minh

Phụ lục 1 – Tình hình thực hiện dự án

I. Dự án thủy điện Sê Kông (Campuchia):

Dự án có quy mô công suất 190MW, TMĐT là 6.665,7 tỷ đồng ~ 352.084.529 USD (tỷ giá 1USD=18.932VNĐ, TMĐT lập tại thời điểm tháng 11/2010), EVNI là chủ đầu tư dự án.

Dự án thủy điện Sê Kông được triển khai thực hiện trên cơ sở biên bản ghi nhớ (MoU) ký ngày 09/12/2009 giữa Bộ Công nghiệp, Mỏ và Năng lượng Campuchia (MIME) và EVNI về việc nghiên cứu dự án thủy điện Sê Kông.

Chủ trương triển khai thực hiện dự án được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Nội dung, phạm vi thực hiện dự án được thực hiện Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế. Trong đó, thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty với mục tiêu tập trung nguồn lực để khởi công dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Đối với các dự án: Hạ Sê San 1/ Sê San 5; Sê Kông (Campuchia); Nậm Mô 1 (Lào) “*Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất mới triển khai bước tiếp theo*”.

Công ty đã hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án và nộp MIME tháng 6/2012. MIME đã có văn bản số 1856MIME ngày 22/8/2012 về việc chấp thuận gia hạn MoU của dự án đến tháng 06/2013.

MOU của dự án hết hiệu lực vào tháng 06/2013 và phía Campuchia dừng gia hạn theo văn bản số 2335.MIME ngày 19/09/2013 về việc dừng gia hạn MOU của dự án do dự án ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên và xã hội (làm ngập 236 km2 và 511 hộ dân phải di dời tái định cư) .

Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra (tương tự như dự án Hạ Sê San 2) được thực hiện theo Nghị quyết số 02/NQ-EVN-HĐQT ngày 21/04/2013 của HĐQT EVNI.

Thực hiện Nghị quyết số: 23/NQ-HĐQT 22/10/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán dự án thủy điện Sê Kông.

Theo báo cáo kiểm toán chi phí thực hiện dự án của Công ty kiểm toán độc lập, tổng chi phí đầu tư đã thực hiện của dự án thủy điện Sê Kông là 8.755.911.108 đồng.

II. Dự án thủy điện Nậm Mô 1 (Lào):

Dự án có quy mô công suất 55MW, TMĐT 2.463 tỷ đồng ~ 119.196.981 USD (tỷ giá 1USD = 20.663VNĐ, TMĐT lập tại thời điểm tháng 3/2011), chủ đầu tư là EVNI.

Dự án được thực hiện theo MOU đã ký ngày 04/03/2010 giữa EVNI và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào về việc triển khai nghiên cứu đầu tư và phát triển dự án thủy điện Nậm Mô 1.

Chủ trương triển khai thực hiện dự án được thực hiện theo Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

Dự án đầu tư giai đoạn 1 của dự án Thủy điện Nậm Mô 1 đã được thông qua theo

Nghị quyết 04/NQ-EVNI-HĐQT ngày 20/4/2011 của HĐQT và cho phép triển khai nghiên cứu giai đoạn 2 của dự án.

Nội dung, phạm vi thực hiện dự án được thực hiện Nghị quyết số: 01/NQ-EVNI-DHĐCD ngày 21/04/2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần EVN Quốc tế. Trong đó, thông qua kế hoạch đầu tư dài hạn của Công ty với mục tiêu tập trung nguồn lực để khởi công dự án thủy điện Hạ Sê San 2; Đối với các dự án: Hạ Sê San 1/ Sê San 5; Sê Kông (Campuchia); Nậm Mô 1 (Lào) “Chỉ dừng lại ở bước nghiên cứu lập dự án đầu tư, tổ chức báo cáo, hoàn tất đàm phán hợp đồng mua bán điện, thu xếp vốn, tìm kiếm thêm các đối tác đầu tư; báo cáo cổ đông thống nhất mới triển khai bước tiếp theo”.

Dự án đã được Công ty hoàn thành BCNCKT và trình Bộ Năng lượng và mỏ của Lào (MEM) vào tháng 11/2012. Tháng 5/2013, Công ty đã tổ chức báo cáo hồ sơ nghiên cứu khả thi và đề nghị phía Lào thông qua dự án để EVNI ký Hợp đồng phát triển dự án (PDA) nhằm kéo dài thời gian nghiên cứu dự án thêm 18 tháng phục vụ tìm kiếm đối tác cùng hợp tác đầu tư hoặc chuyển nhượng.

Phía Lào đã có văn bản chính thức thông qua sơ bộ BCNCKT theo văn bản số: 535/MEM.DEPP ngày 24/07/2013 (đây là một trong điều kiện đầu vào để ký PDA; một điều kiện khác là TOR của EIA được phê duyệt, Công ty cũng đã hoàn thành). Tuy nhiên, do phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp xem xét hồ sơ BCNCKT của dự án (BCNCKT được EVNI nộp lên Bộ Năng lượng và Mỏ của Lào vào tháng 11/2012 nhưng đến tháng 5/2013 phía Lào mới tổ chức họp và tháng 7/2013 được sơ bộ thông qua, thời gian tổ chức họp kéo dài hơn 6 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ BCNCKT dự án, dẫn đến khi BCNCKT của dự án được thông qua thì MOU của dự án đã hết hạn, không đủ điều kiện để ký PDA cho dự án). Công ty đã nhiều lần đề nghị phía Lào cho phép gia hạn MoU với thời gian gia hạn để bù cho việc phía Lào chậm trễ trong việc tổ chức họp thông qua BCNCKT của dự án hoặc cho phép ký PDA mà không cần gia hạn MoU nhưng vẫn không nhận được ý kiến phản hồi từ phía Lào.

Quyền nghiên cứu phát triển dự án được thể hiện trong MoU đã hết hạn vào tháng 05/2013 tại văn bản số 2392/MPI.IPD4 ngày 04/09/2012 và đây là lần gia hạn cuối cùng (theo quy định của Lào, MOU của dự án được phép gia hạn 2 lần). MOU của dự án hết hiệu lực theo văn bản số 3009/MPI.IPD ngày 15/11/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào.

Việc tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc tham gia góp vốn tương ứng với giá trị bỏ ra (tương tự như dự án Hạ Sê San 2) được thực hiện theo Nghị quyết số 04/NQ-EVNI-HĐQT ngày 27/09/2013 của Hội đồng quản trị EVNI.

Thực hiện Nghị quyết số: 23/NQ-HĐQT 22/10/2020 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán dự án thủy điện Nậm Mô 1.

Theo báo cáo kiểm toán chi phí thực hiện dự án của Công ty kiểm toán độc lập, tổng chi phí đầu tư đã thực hiện của dự án thủy điện Nậm Mô 1 là 7.197.230.643 đồng.